

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Danh Văn Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Lê Thanh T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc N trình bày:

Bà N và ông T quen biết nhau một thời gian thì tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (cũ). Nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng và mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng.

Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày 04/5/2007, đã trưởng thành nên không yêu

cầu giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phan Lê Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp C, xã V, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long An (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tây Ninh ngày 15/3/2003 nên là hôn nhân hợp pháp, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N cho rằng giữa bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân một thời gian dài nên khả năng hàn gắn không còn. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, còn ông T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Phan Tuấn K (nam), sinh ngày 04/5/2007, đã thành niên, bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Ngọc N về việc “Ly hôn” với ông Phan Lê Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc N được ly hôn với ông Phan Lê Thanh T.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, nay là Phòng Thi hành án khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0002338 ngày 05/6/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 9, Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh